

Bản án số: 135/2024/DS-ST

Ngày: 13 – 8 – 2024

V/v Tranh chấp chấm dứt hành vi

cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Việt Hồng

Ông Huỳnh Hoài Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 và ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023, về “*Tranh chấp chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phương Du H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà C, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà E, đường P, Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phương Du H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà D, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Triệu Kim H2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà C, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Phương Thanh L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Bà Phương Thanh L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Phương Thanh Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà C, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Bà Phương Thị Tú T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 10 năm 2023 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T trình bày:

Ông Phương Du H có 02 (hai) quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích $3202m^2$ (theo đo đạc thực tế là $3040.80m^2$), đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/10/2001 cho hộ ông Phương Du H. Do phần đất này thấp và đất mương ao nên ông Phương Du H đổ đất để cải tạo làm rẫy trồng rau màu nhưng ông Phương Du H1 ngăn cản và cho rằng là đất hương hỏa của cha mẹ (ông Phương T2 và bà Lý Thị Ê) khi chết để lại.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích $1934m^2$ (theo đo đạc thực tế là $1802.6m^2$), đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 18/9/2017 cho ông Phương Du H. Tuy nhiên ông Phương Du H1 lại tiếp tục cản trở ông Phương Du H sử dụng đất.

Ông Phương Du H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phương Du H1 chấm dứt hành vi ngăn cản ông sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 32, diện tích $3202m^2$ (theo đo đạc thực tế là $3040.80m^2$), đất tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và phần đất thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 32, diện tích $1934m^2$ (theo đo đạc thực tế là $1802.6m^2$), đất tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 08 tháng 5 năm 2024; Biên bản hòa giải ngày 11 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông Phương Du H1 trình bày:

Ông không yêu cầu phản tố nhưng ông không thống nhất với yêu cầu của ông Phương Du H, nguyên do cả 02 (hai) phần diện tích đất trên là của cha mẹ ông để lại. Ông có ý kiến là khi nào ông Phương Du H chuyển nhượng 02 (hai)

phần đất trên thì phải chia cho ông 01 (một) phần. Còn trong trường hợp ông Phương Du H không chuyển nhượng cho ai thì phải để đất trống. Ông không cho ông Phương Du H canh tác sử dụng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 8 năm 2024 và đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 02 tháng 8 năm 2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H2, ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ, bà Phương Thị Tú T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 32, diện tích 3202m² (theo đo đạc thực tế là 3040.80m²) và phần đất thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 32, diện tích 1934m² (theo đo đạc thực tế là 1802.6m²), cả hai phần đất tọa lạc tại đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương Du H. Trong quá trình ông Phương Du H sử dụng đất thì ông Phương Du H1 cản trở, gây khó khăn nên nay các ông bà thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Phương Du H và không yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Du H.

* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T và bị đơn ông Phương Du H1 đều thống nhất:

Phần đất thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 3202m² (theo đo đạc thực tế là 3040.80m²), đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2001 cho hộ ông Phương Du H.

Phần đất thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 1934m² (theo đo đạc thực tế là 1802.6m²), đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/9/2017 cho ông Phương Du H.

Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết này là sự thật và không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn ông Phương Du H yêu cầu bị đơn ông Phương Du H1 chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản mà cụ thể là “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất*” được quy định tại Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H2, ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ, bà Phương Thị Tú T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H2, ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ, bà Phương Thị Tú T1 và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Du H:

[3.1]. Phần đất thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2001 cho hộ ông Phương Du H và phần đất thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/9/2017 cho ông Phương Du H nên ông Phương Du H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết những hành vi vi phạm liên quan đến quá trình sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 7 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phương Du H1 chấm dứt hành vi cản trở ông Phương Du H sử dụng đất vì ông Phương Du H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 (hai) thửa đất này theo đúng trình tự thủ tục luật định. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

• Nguồn gốc của phần đất thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2001 cho hộ ông Phương Du H): Phần đất này từ trước năm 1975 là đất

gốc của bà Lý Thị Ê, năm 1979 thì Tập đoàn sản xuất quản lý và đến năm 1991, Tập đoàn G lại cho ông Phương Du H. Năm 1994, ông Phương Du H cải tạo lại thành đất màu và đất vườn để trồng rau cây ăn trái và sử dụng ổn định cho đến nay (*bút lục số 69*). Đến năm 2001, phần đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình của ông Phương Du H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình của ông Phương Du H gồm có vợ là bà Triệu Kim H2 và các con chung là ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ và bà Phương Thị Tú T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H2, ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ và bà Phương Thị Tú T1 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Phương Du H. Mặt khác, Công văn số 1202/UBND-HC ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T511697 ngày 26/10/2001 cho hộ ông Phương Du H là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì phần đất này không có tranh chấp.

- Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/9/2017 cho ông Phương Du H) với diện tích 1934m². Trong phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận, có phần diện tích đất là 582,8m² do Phương Du H3 tặng cho ông Phương Du H vào năm 2003, phần diện tích đất 219,2m² là đất ông Phương Du H nhận chuyển nhượng từ bà Mai Thị Ngọc M và phần diện tích đất còn lại 1.132m² là đất gốc của bà Lý Thị Ê sử dụng từ trước và sau năm 1975. Đến năm 1991, bà Lý Thị Ê cho con là ông Phương Du H quản lý sử dụng cho đến nay và được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 017975 ngày 17/7/2001 (*bút lục số 135*). Tại Công văn số 1204/STNMT-VPĐK ngày 09/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S xác định “Việc cấp giấy chứng nhận thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 75 và 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ”.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy ông Phương Du H và hộ ông Phương Du H có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 và Điều 170 của Luật đất đai năm 2013 mà không ai được cản trở.

[3.3] Tại phiên tòa, bị đơn ông Phương Du H1 cho rằng cả 02 (hai) phần diện tích đất tranh chấp này là của cha mẹ (ông Phương T2 và bà Lý Thị Ê) khi chết để lại. Ông có ý kiến là khi nào ông Phương Du H chuyển nhượng 02 (hai) phần đất trên thì phải chia cho ông 01 (một) phần. Còn trong trường hợp ông Phương Du H không chuyển nhượng cho ai thì phải để đất trống. Ông không cho ông Phương Du H canh tác sử dụng. Xét lời trình bày của bị đơn Hội đồng

xét xử nhận thấy, bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, lời trình bày của ông Phương Du L2, bà Phương Ngọc H4 là các anh chị em của ông Phương Du H và Phương Du H1 cũng không xác định được cả hai phần diện tích đất này là của ai, không rõ về đất đai của cha mẹ (*bút lục số 24 - 25*). Bị đơn ông Phương Du H1 thừa nhận đã có hành vi cản trở ông Phương Du H sử dụng đất. Việc ông Phương Du H1 có hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Phương Du H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất nên cần buộc ông Phương Du H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông Phương Du H là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Phương Du H1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn ông Phương Du H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn ông Phương Du H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 157, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 166 và 170 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Du H.

Buộc bị đơn ông Phương Du H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông Phương Du H đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 1934m² (theo đo đạc thực tế là 1802.6m²), đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/9/2017 và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 32, tọa lạc đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 3202m² (theo đo đạc thực tế là 3040.80m²), đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã

S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/2001.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Phương Du H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Phương Du H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007585 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Phương Du H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Phương Du H1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Phương Du H1 phải hoàn trả lại cho ông Phương Du H số tiền ông Phương Du H đã nộp tạm ứng là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn ông Phương Du H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Phương Du H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H2, ông Phương Thanh L, bà Phương Thanh L1, ông Phương Thanh Đ và bà Phương Thị Tú T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng